

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 – 2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.
2. Ông Phạm Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị H (gọi tắt là chị H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã trong gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Vì vậy, chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H khai có 02 con chung, cháu tên Nguyễn Thị Mỹ T (giới tính: nữ), sinh ngày 16/7/1999 và cháu Nguyễn Hoàng T (giới tính: nam), sinh năm 16/10/2007, hiện cháu T đã trưởng thành, cháu T đang sống chung với chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cháu T, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H khai có tài sản chung nhưng tự thỏa phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh T và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của H. Cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn Nguyễn Văn T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của H, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 1998 chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cho rằng vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả và anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của H.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của H, hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H cho rằng vợ chồng có 02 con chung, cháu T hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T thì từ khi sinh ra thì sống chung với vợ chồng anh chị, nhưng từ khi vợ chồng anh chị không còn sống chung cho đến nay thì cháu T sống chung với H. Theo biên bản xác minh của Tòa án thì hiện nay con chung đang sống chung với chị H và tại phiên tòa cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu T, nên hội đồng xét xử thống nhất giao Nguyễn Hoàng T (nam), sinh năm 16/10/2007 cho H được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Thị H đối với bị đơn Nguyễn Văn T. Cho chị Hồ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T (giới tính: nam), sinh năm 16/10/2007, hiện nay cháu T đang sống chung với chị H. Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho Nguyễn Văn T không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị H khai có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006654 phiếu lập ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hưng;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ngoan